

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc sửa đổi, bổ sung Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Long An ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND ngày 31/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH LONG AN  
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 20**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;*

*Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất;*

*Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 96/2019/NĐ-CP ngày 19/12/2019 của Chính phủ quy định về khung giá đất;*

*Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;*

*Xét Tờ trình số 95/TTr-UBND ngày 16/6/2020 của UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Long An; Báo cáo thẩm tra số 433/BC-HĐND ngày 18/6/2020 của Ban kinh tế - ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất thông qua sửa đổi, bổ sung Bảng giá các loại đất định kỳ 5 năm (2020-2024) trên địa bàn tỉnh Long An ban hành kèm theo Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND ngày 31/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh, như sau:

**1. Sửa đổi, bổ sung Mục I Phần A BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT như sau:**

a) Sửa đổi Bảng tiêu thức xác định vị trí

TT	Tiêu thức xác định vị trí	Hệ số giá các vị trí so với vị trí 1 (%)	
		Quốc lộ, tuyến tránh quốc lộ, đường tỉnh	Đường giao thông còn lại
Vị trí 1	Thửa đất trong phạm vi 50m đầu tiếp giáp đường hoặc không tiếp giáp đường nhưng cùng chủ sử dụng với thửa tiếp giáp đường thì được áp dụng theo giá đất tại phần I, II của Phụ lục I, II và phần I của Phụ lục III	100	100
Vị trí 2	Thửa đất trong phạm vi 50m đầu không tiếp giáp đường và không cùng chủ sử dụng với thửa tiếp giáp đường	70	70
Vị trí 3	Thửa đất trong phạm vi từ sau mét thứ 50 đến mét thứ 100	40	Mức giá tối thiểu
Vị trí 4	Thửa đất trong phạm vi từ sau mét thứ 100 đến mét thứ 200	10	
Vị trí 5	- Các thửa đất còn lại trong địa giới hành chính huyện, thị xã, thành phố không thuộc các quy định trên thì được áp dụng giá đất tại phần III của Phụ lục I, II và tại phần II của Phụ lục III. - Khi tính toán thực tế nếu thấy các vị trí 2, 3, 4 có giá thấp hơn vị trí 5 thì vị trí đó được áp dụng mức giá tối thiểu	Mức giá tối thiểu	

b) Bổ sung đoạn thứ hai nội dung như sau:

Trường hợp thửa đất không có vị trí tiếp giáp đường giao thông như quy định tại vị trí 2, vị trí 3, vị trí 4 nêu trên hoặc thuộc nhóm đất tại phần III Phụ lục I, II (vị trí 5) và tại phần II Phụ lục III (vị trí 5) thì áp dụng cách tính có lợi nhất cho người sử dụng đất.

c) Sửa đổi đoạn thứ ba khoản 1 như sau:

- Trường hợp thửa đất nông nghiệp có vị trí tiếp giáp nhiều đường giao thông nên có nhiều giá đất khác nhau thì phần diện tích đất trong phạm vi 50 mét đầu sẽ được xác định lần lượt theo phạm vi tính có giá đất cao nhất, phần diện tích đất còn lại từ sau mét thứ 50 mét trở vào (nếu có) cũng được xác định theo cách tính nêu trên.

Quy định cụ thể tại Phụ lục I, riêng đối với các loại đất nông nghiệp còn lại áp dụng theo giá đất trồng cây hàng năm cùng vị trí.

d) Sửa đổi đoạn thứ hai khoản 2 như sau:

- Trường hợp thửa đất có vị trí tiếp giáp nhiều đường giao thông nên có nhiều giá đất khác nhau thì phần diện tích đất trong phạm vi 50 mét đầu sẽ được xác định lần lượt theo phạm vi tính có giá đất cao nhất, phần diện tích đất còn lại từ sau mét thứ 50 mét trở vào (nếu có) cũng được xác định theo cách tính nêu trên.

**2. Tại phần B, sửa đổi, bổ sung, thay thế PHỤ LỤC I BẢNG GIÁ NHÓM ĐẤT NÔNG NGHIỆP và PHỤ LỤC II BẢNG GIÁ ĐẤT Ở**

(Đính kèm Phụ lục I, II)

**3. Thay thế PHỤ LỤC III BẢNG GIÁ ĐẤT KHU, CỤM CÔNG NGHIỆP tại phần B Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND ngày 31/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh**

(Đính kèm Phụ lục III)

**Điều 2.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này là một bộ phận không tách rời Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND ngày 31/12/2019 của HĐND tỉnh.

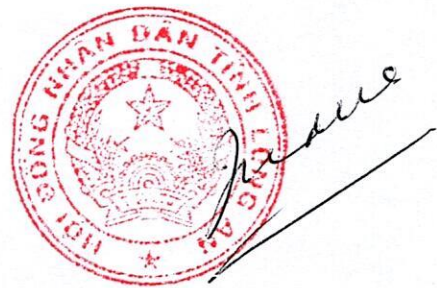
**Điều 3.** Hội đồng nhân dân tỉnh giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Long An khóa IX, kỳ họp thứ 20 thông qua ngày 22/6/2020 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 02/7/2020./.

**Nơi nhận:**

- UB Thường vụ Quốc hội (b/c);
- Chính phủ (b/c);
- VP. QH, VP. CP (TP.HCM) (b/c);
- Ban Công tác đại biểu của UBTWQH (b/c);
- Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Các Bộ: Tài nguyên và Môi trường; Tài chính;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Đại biểu QH đơn vị tỉnh Long An;
- Đại biểu HĐND tỉnh khóa IX;
- UBND tỉnh; UBNDTTQ VN tỉnh;
- Các sở, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- Các phòng thuộc VP Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh;
- Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (đăng công báo);
- Lưu: VT, (X). (15)

**CHỦ TỊCH**



**Phạm Văn Rạng**